

VIỆC HÌNH THÀNH QUI ĐIỂN CỦA SÁCH THÁNH

Tại sao ta lại chấp nhận sách này hay sách kia, mà chỉ có thể là những cuốn sách đó trong bộ sách Kinh Thánh? Bởi đâu mà có quyền về “qui điển”¹ này? Được gọi là “qui điển”, vì chính Giáo Hội được linh hứng, đã thừa nhận và coi như tiêu chuẩn *thành văn* của đức tin. Giáo Hội bảo đảm cho sự linh hứng này.

Việc hình thành qui điển của Cựu Ước

Vào đầu thế kỷ thứ I, người Do-thái đã có được một bộ các Sách Thánh, mà họ coi như do Thiên Chúa linh hứng, và xem trong nội dung như một sự biểu lộ thánh ý Chúa, một qui luật cho đức tin và luân lý.

Nên nhớ rằng cả ba phần của Kinh Thánh Híp-ri (sách Luật, các Ngôn Sứ và các văn phẩm khác) đều không được thiết lập theo một quyết định chính thức. Điều này giải thích cho những khác biệt về quan điểm giữa người Do-thái vào thế kỷ thứ I. Nhóm Xa-đốc chỉ chấp nhận Ngũ Thư là hợp qui điển. Vào thời Đức Giê-su, vẫn còn một vài do dự, bất ổn quanh vấn đề qui điển của Sách Thánh. Chỉ sau khi đền thờ

¹ 1. Nên nhớ rằng hạn từ hy ngữ kanôn, từ nguyên thủy, có nghĩa là một khúc cây để đo. Sau đó mới có thêm nghĩa “qui lệ” hay “luật”. Các Giáo phụ tông đồ đã dùng hạn từ này để chỉ “luật, hay quy luật đức tin”, kinh Tin Kính (Credo) chứa nội dung của quy luật đức tin.

Giê-ru-sa-lem bị tàn phá (năm 70 sau CN) có một số luật sĩ Do-thái tìm cách bảo tồn những di sản của quá khứ, sau cuộc tàn phá đền thờ Giê-ru-sa-lem, họ tụ họp ở Giam-ni-a² khoảng năm 90, và tuyên bố chấp nhận qui điển của phái Pha-ri-sêu, có nghĩa là chỉ chấp nhận các sách viết bằng tiếng Híp-ri, và loại trừ các sách viết bằng tiếng Hy-lạp. Vào thời kỳ Cải Cách, anh em Tin Lành muốn dịch trực tiếp từ tiếng Do-thái, và cuối cùng họ đã xem qui điển Do-thái như chuẩn mực chân chính duy nhất.

Về phía các Giáo Phụ tông đồ, đa số đã chấp nhận Giao Ước Thứ Nhất, như trong bản dịch Hy-lạp Septante (Bản LXX), hoặc trong các bản la-tinh cũ, dịch từ tiếng Hy-lạp. Khoản luật 60 của công đồng Lao-đi-xê (khoảng năm 380) xác nhận rằng hầu như toàn thể Đông Phương có thái độ không thuận đối với các sách thuộc Đệ Nhị Qui điển, và trong danh sách của họ, toàn là sách Kinh Thánh Híp-ri. Tuy nhiên các Giáo Phụ Đông Phương cũng ghi nhận rằng các sách khác cũng có thể đọc để nâng đỡ các tín hữu, hay dạy bảo các người tân tòng, và đôi khi cũng được chấp nhận cả trong Phụng Vụ.

Trái lại, trong Giáo Hội ở Tây Phương không có sự phân biệt giữa các sách này. Do ảnh hưởng của thánh Augus-ti-nô và để phản ứng lại thánh Giê-rô-ni-mô và các anh em Đông Phương, các Công Đồng Hippone (năm 393) và Carthage (397 và 419) đã tuyên bố rằng các sách thuộc Đệ Nhị Qui điển, đã từng gây tranh cãi, cũng hội đủ tiêu chuẩn

²

2. Giáp-ne cách Giê-ru-sa-lem 48 km về phía tây.

theo qui điển. Vậy ta có thể coi như qui điển của các Sách Thánh có từ thời thánh Au-gus-ti-nô.

Cuối cùng, các anh em Hy-lạp cũng thuận theo ý kiến của Giáo Hội Tây Phương và kể từ công đồng Trullo (năm 692) đã chấp nhận trọn vẹn qui điển này (nghĩa là cả đệ nhị quy điển).

Lược sử về qui điển của Tân Ước

Giáo Hội Do-thái-Ki-tô, ngay từ đầu đã có được trọn bộ các Sách Thánh Cựu Ước theo bản *Septante* (bản 70). Còn các bản văn Tân Ước, thoát đầu chỉ là “truyền khẩu” (những lời nói và cử chỉ của Thầy Giê-su), sau này mới dần dần được ghi chép lại, vì các Tông Đồ, những “nhân chứng nhãn tiền” đều lần lượt khuất bóng.

Một vài người trong số các vị ấy, như Phê-rô, Phao-lô, Gia-cô-bê, vào các dịp đặc biệt thường để lại một số thư từ cho các giáo đoàn do các ngài thiết lập. Nhưng các thư ấy đã nhanh chóng được trao đổi trong các cộng đoàn, và càng ngày càng có uy tín lớn. Tuy nhiên cũng cần phải có một thời gian khá lâu, cho việc sưu tầm và để những bức thư kia có được uy tín tuyệt đối bên cạnh những Sách Kinh Thánh là di sản của Do-thái giáo.

Bốn sách Tin Mừng, dù không phải là những văn bản lâu đời nhất, nhưng đã là những văn bản đầu tiên được đặt ngang hàng với các Sách Kinh Thánh của người Do-thái (vì được xem như sấm ngôn của Đức Ki-tô), và được công nhận hợp tiêu chuẩn của qui điển. Đến năm 140, giám mục Papias của thành Hiêrapôlis, đã biết hai thánh Mác-cô và Mát-thêu. Khoảng năm 150, thánh Giút-ti-nô đã trích đoạn từ các sách

Tin Mừng. Năm 180, Hê-gê-sip-pê đã kể đến Lê Luật, các Ngôn Sứ và Chúa Giê-su”. Chỉ có Giao Ước Thứ Nhất và bốn sách Tin Mừng được gọi là “Các Sách” có nghĩa là Kinh Thánh.

Vào đầu thế kỷ thứ II, mười ba thư của thánh Phao-lô, - ngoại trừ thư gửi các tín hữu Híp-ri (Do thái) – đã được lan truyền tới Hy-lạp, vùng Tiểu Á và toàn nước Ý. Tất cả các bản thảo khác nhau của những lá thư này, đều phát xuất từ một nguồn, hợp thành một tập sựu tầm mà người ta thường gọi là *Corpus Paulinum* (Hợp tuyển Phao-lô).

Cho đến thế kỷ thứ IV, thư gửi các tín hữu Híp-ri, các thư của Phê-rô, Gio-an, sách Khải Huyền và sách Công Vụ Tông Đồ, rất khó được chấp nhận như qui điển. Hầu như đã không có một tuyên ngôn chính thức nào về vấn đề này. Và lại những thư được sưu tầm thì tại mỗi giáo hội địa phương một khác. Có rất nhiều lý do để giải thích sự do dự trong việc hình thành qui điển của Tân Ước: Sự phát sinh ra nhiều nguy thư (*Apocryphe*)³, những văn bản của nhóm bất khả tri, của lạc giáo Marcion⁴ và những lạc thuyết khác của Montanus⁵.

³ 3. Người ta coi *Apocryphe* (hy ngữ: *apókryphos*, ẩn giấu) là một văn bản “mà tính chân xác không được thiết lập” (Littré). Trong lãnh vực Kinh Thánh, từ khi lập ra các qui điển, kiểu nói này chỉ một văn bản được xem như không xác thực vì các chức sắc tôn giáo cho là không do Chúa mạc khải.

⁴ 4. Học thuyết của Marcion dựa trên việc đọc rất vụn vặt sứ điệp Ki-tô giáo, riêng các thư của thánh Phao-lô. Marcion đã nghĩ rằng Chúa Giê-su đã bãi bỏ Lê Luật để thay vào đó Luật Phúc Âm, và như thế Thiên Chúa của Chúa Giê-su khác với Thiên Chúa của Cựu Ước. Do đây Marcion gạt bỏ toàn bộ Cựu Ước, không coi đó là Kinh Thánh được mạc khải và chỉ giữ lại một phần Phúc Âm theo thánh Lu-ca và

Nhưng ngay từ đầu thế kỷ thứ III, qui điển về Tân Ước đã bao gồm hầu hết các sách như hiện nay, theo qui điển. Danh sách xưa nhất là tài liệu của Muratori⁶. Năm 367, thánh Atha-na-si-ô đã có một danh sách kể tên 27 cuốn. Ta có thể nói rằng giữa thế kỷ thứ IV và thứ V, qui điển của Giáo Hội Latinh đã được ấn định. Công Đồng Tri-đen-ti-nô (năm 1542) chỉ xác nhận lại một cách long trọng những gì đã được ấn định từ trước, để giải quyết cách dứt khoát vấn đề cho Giáo Hội Công Giáo⁷.

Tiêu chuẩn của việc thiết lập qui điển

Tiêu chuẩn tối hậu cho việc thiết lập qui điển của một văn bản là việc tuyên bố chính thức của chính Giáo Hội “được linh hứng”. Giáo Hội đọc và diễn giải Kinh Thánh, đã được linh hoạt và sống động hóa bởi Thần Khí. Giáo Hội phải nhìn nhận được trong văn bản kia sự thể hiện kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa đã được mạc khải cách viên mãn qua Đức Ki-tô Giê-su.

10 thư của thánh Phao-lô. Sự chọn lựa này của Marcion đã buộc Giáo Hội phải đặt vấn đề qui điển, nhờ đó mới đưa tới bản danh sách 27 sách Tân Ước như chúng ta thấy hôm nay.

⁵ 5. Phong trào này, được Montanus thiết lập, đặc biệt chú trọng đến Phúc Âm theo thánh Gio-an. Thuyết này cùng thời với thuyết của Marcion (thế kỷ II, thời đại chúng ta).

⁶ 6. Tại Rô-ma vào năm 200, được tìm thấy trong thư viện Ambroise tại Milan năm 1740.

⁷ 7. Ngày nay, phần đông các nhà chú giải đều đồng ý rằng thư gửi Hípri và thư thứ hai của Phê-rô đã không được viết bởi các tông đồ, và tác giả thư Giacôbê cũng không do thánh tông đồ có tên đó viết; và một số thư Phao-lô cũng còn bị phản đối mạnh.

Đối với việc hình thành của “qui điển”, Giáo Hội phải căn cứ trên nguyên tắc về “tính cách Tông Đồ”, nghĩa là phải được hướng dẫn bởi giáo huấn của Đức Giê-su Ki-tô và các Tông Đồ của Người, vì chính các vị này đã coi Giao Ước Thứ Nhất là do “linh hứng”. Riêng về các văn bản Tân Ước, Giáo Hội thẩm định rằng mọi bản văn đến từ một Tông Đồ, hay dưới sự bảo trợ của ngài, đều được xem là do “linh hứng”. Nhưng trên thực tế, các Tông Đồ, đôi khi không được xem như tác giả trực tiếp của một vài bản văn nào đó, mà chỉ là người “gợi hứng” từ một truyền thống, mà người ta đã tìm thấy trong văn bản đó cách diễn tả của ngài.

Nói cách khác, không phải sự hình thành cuốn sách trong lịch sử - đôi khi rất khó xác định - là tiêu chuẩn đầu tiên, nhưng là sự kiện Giáo Hội được Chúa Thánh thần linh hứng, - và chính ở điểm này mà Mạc Khải được bảo đảm -, đồng lòng nhất trí nhìn nhận tính cách tông đồ, và như vậy nhìn nhận xếp cuốn sách vào qui điển.

Lời Chúa và sự không thể sai lầm của Sách Thánh

Theo giáo huấn của Giáo Hội, vì được Thiên Chúa linh hứng, nên các Sách Thánh được bảo đảm khỏi mọi sai lầm, nhưng chỉ cho những gì liên quan đến chương trình cứu rỗi được Thiên Chúa mạc khải. Đó là điều mà ta gọi là “*không thể sai lầm*”. Đây cũng là điều mà Hiến Chế về Mạc Khải của Công Đồng Vaticanô II nói: “*Vì phải xem mọi lời các tác giả được linh ứng viết ra, tức các thánh sử, là những lời của Chúa Thánh Thần, nên phải công nhận rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm, những chân lý mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại vì phần rỗi chúng ta. Bởi vậy "mọi sự trong Thánh Kinh được Thiên*

Chúa linh ứng có ích lợi cho việc dạy dỗ, biện luận, sửa trị và rèn luyện trong công chính: để người của Thiên Chúa trở nên trọn hảo và sẵn sàng thực hiện mọi việc lành”⁸.

Nhưng mặt khác, ta cũng thấy rõ nên tránh nói về Kinh Thánh theo lối nghĩ rằng từng câu trong Sách Thánh đều được Thiên Chúa “linh hứng” và hàm chứa những chân lý thánh thiêng. Sứ điệp trong Kinh Thánh chủ yếu là “thiên liêng” và chỉ nhắm tới những gì liên quan đến ơn cứu độ của con người. Chính về phương diện này, và chỉ ở trên phương diện này mà các Sách Thánh mới có thể được xem là không sai lầm. Như thế ta không thể nghĩ rằng tác giả không thể lầm lẫn về những chi tiết cụ thể khác, như về ngày tháng, sự việc xảy ra của một biến cố nào đó. Nhưng một lần nữa, dù được bọc trong cái “vỏ ngôn ngữ nhân loại”, sứ điệp liên quan đến Ơn Cứu Độ của con người do Thiên Chúa mạc khải cũng không thể có sai lầm.

Nói cách chung, một sai lầm là một phán đoán được xác quyết trái với thực tại. Nhưng thí dụ như khi tôi nói “*mặt trời mọc*”, tôi không sai, vì tôi bị giới hạn khi diễn tả một khái niệm như tôi có thể nhìn thấy; tôi không vượt quá giới hạn của mình được. Tôi không làm một phán đoán, cũng không xác quyết trên lý thuyết của ngành thiên văn. Nhưng, nếu dựa trên sự chuyển động “bề ngoài” của mặt trời, tôi khẳng định, như một sự kiện khoa học rằng “*mặt trời thực sự quay chung quanh trái đất*”. Xác quyết này quả là sai lầm: vì nó không phù hợp với thực tại.

8

8. (MK 11).

Như thế, các tác giả Sách Thánh không phạm sai lầm, khi họ chỉ diễn tả một quan điểm phản ảnh nền văn hóa vào thời kỳ của họ. Sự việc mà họ trình bày, thường được nhìn dưới một góc cạnh giới hạn, bởi chính bản thân họ cũng chỉ là một con người với nhiều giới hạn. Một nhà thiên văn, một thi nhân hay một nhà chiêm niệm, nhất thiết không có cùng một cách nhìn các vì sao trời. Nên người ta không thể bảo nhà thiên văn khi học các lý thuyết của ngành thiên văn, nhà thơ khi ca ngợi vẻ đẹp, hay một tín hữu khi nhìn thấy dấu chỉ sự cao cả của Thiên Chúa... là sai lầm! Nhưng chỉ vì cái nhìn của mỗi người đều giới hạn.

Những tác giả Kinh Thánh, trước hết là những nhà tư tưởng về tôn giáo, có người là thi nhân, nhưng chẳng bao giờ họ tự nhận là nhà thông thái. Nếu chúng ta tìm trong các Sách Thánh một chân lý về khoa học, tất nhiên ta sẽ không bao giờ thấy được. Ta đã thấy việc tạo dựng vũ trụ được mô tả trong Sách Thánh theo quan điểm thời đó, và ở địa phương mà tác giả viết ra trình thuật đó, chứ họ không hề tự nhận viết đúng theo khoa học. Sách Thánh không phải là một cẩm nang khoa học. May mắn thay, ngày nay chúng ta đã vượt xa chủ thuyết “phù hợp”.

Một tác giả cũng có thể viết để tường thuật một điều gì đó, nhưng không có nghĩa là họ bắt buộc người khác phải tin theo. Khi Thầy Giê-su kể dụ ngôn “*người con đi hoang*”, chắc chắn chẳng một ai trong đám thánh giá, hay độc giả bây giờ tin rằng đó là một chuyện có thật, vì mục đích của câu chuyện là để nói lên lòng nhân từ thương xót của Thiên Chúa, và đây mới là một chân lý được mạc khải qua câu chuyện kể.

Vậy một tác giả hoàn toàn có quyền tự do vận dụng óc tưởng tượng trong trình thuật của mình. Vì tưởng tượng cũng rất có thể chuyển tải một sự thật. Chúng ta thấy những tác phẩm tưởng tượng trong Giao Ước Thứ Nhất, như sách Gio-na. Những loại sách này phải được thẩm định theo chủ đích của tác giả. Ngày nay sự việc này đã được phân định rõ ràng: Kinh Thánh và khoa học là hai lãnh vực hoàn toàn biệt lập. Lịch sử của mạc khải trong Kinh Thánh không liên quan đến những sự thật về khoa học, mà là kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa, của ơn Cứu Độ cho con người.

Hơn nữa, càng ngày người ta càng đòi hỏi sự chính xác, nhất là trong lãnh vực lịch sử. Thế mà ai cũng phải công nhận rằng đó lại không phải là ưu tư hàng đầu của các tác giả Sách Thánh. Danh sách thứ tự niên đại của họ thường rất mờ lung. Họ dễ dàng bỏ qua những sự kiện lịch sử không phù hợp với quan điểm của họ. Tóm lại, lịch sử được ghi lại dưới ngòi bút của các tác giả này đầy khiếm khuyết, và không chính xác với cái nhìn của các sử gia hiện đại.

Nhưng chúng ta đã có một thói quen đáng tiếc là phóng trùm cảm tính và mọi tiêu chuẩn ngày nay của mình, lên những thời kỳ và những nền văn hoá cổ xưa, không phải của thời đại chúng ta. Ta thường hay phạm phải tính sai niên đại. Làm sao lại có thể đòi hỏi ở các tác giả của một thời đại trước chúng ta hàng bao thế kỷ phải có cùng những quy lệ như chúng ta ngày nay? Đối với các sử gia của Kinh Thánh, lịch sử chỉ có ý nghĩa khi được qui chiếu về Thiên Chúa. Trong ánh sáng kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa, là nền tảng và cốt lõi của lịch sử, thì những chi tiết về một niên đại, có thật sự là đáng kể không?

Ta phải luôn nhớ rằng, khi đọc Sách Thánh, những tiêu chuẩn hiện đại của ta không thể áp dụng cho các sách về lịch sử của Kinh Thánh được. Và trong nhiều trường hợp, ta càng không thể gán ý nghĩa của một lịch sử hiện đại vào các Sách Thánh được. Chính vì vậy mà việc phân chia Giao Ước Thứ Nhất thành sách về *Lịch sử*, *Ngôn sứ*, *Giáo huấn*, rõ ràng là phản ảnh não trạng Tây Phương. Lỗi phân chia làm ba nhóm theo người Do-thái: Lê Luật, Ngôn Sứ, và các Văn phẩm, đúng là thỏa đáng hơn, vì phù hợp với “não trạng Kinh Thánh” hơn.

Như thế ta thấy rằng đã có ít nhiều sai lầm trong cách xếp loại các Sách Thánh. Có sách được xếp vào loại sách *Lịch Sử*, mà không liên quan gì đến lịch sử, như sách Gio-na. Cuốn sách “xem ra có vẻ” thuộc về lịch sử, nó đã được xếp vào loại ấy, và cũng đã được đón nhận như thế, mà không hề có óc phê phán nhận xét. Sự sai lầm trở nên trầm trọng hơn, bởi thành kiến vô căn cứ này: tưởng tượng là bất xứng đối với Thiên Chúa. Điều này không muốn nói rằng qua một tác phẩm tưởng tượng, tác giả được linh hứng không viết gì về Thiên Chúa và con người, ta phải biết rằng qua sách Gio-na, phổ quát tính của ơn cứu độ và lòng thương xót của Thiên Chúa đã được biểu lộ cho con người cách cụ thể. Đặc sủng của các sử gia thánh kinh được linh hứng, là thâm định ý nghĩa thiêng liêng của những biến cố, theo kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa.

Các loại văn thể

Ta phải ý thức về *khía cạnh con người* của Lời Chúa, và chấp nhận các tác giả Sách Thánh đều là những con người của thời đại của họ. Tác phẩm họ viết phải phù hợp với

những qui luật văn chương của thời đại ấy. Trong văn chương có những thể loại với những cấu trúc khác nhau (văn xuôi, văn vần, tiểu thuyết, tưởng tượng, tin tức, ký sự...). Người ta gọi đó là các loại văn thể. Cùng một biến cố, người ta có thể tường thuật bằng nhiều thể văn khác nhau: thuật chuyện bằng văn xuôi, văn vần, bi kịch hay hài kịch. Và mỗi thể văn đều có “sự thật” đặc biệt của nó. Sự thật diễn tả qua các vần thơ không cùng một cách thể như được diễn tả trên sân khấu kịch nghệ. Nhưng sự thật luôn vượt trên mọi hình thức đặc thù của từng văn thể.

Ngày nay, ai cũng công nhận Sách Thánh thực sự gồm nhiều loại văn thể khác nhau. Những dụ ngôn của Thầy Giê-su đều thuộc loại thuật chuyện theo tưởng tượng, nhưng là những mẫu chuyện không ngừng đưa người nghe về với cuộc sống đời thường của con người, được chất vấn bởi Lời Chúa, bởi vương quốc Thiên Chúa mà Đức Giê-su Ki-tô đã công bố và khai trương.

Thành phần các Sách Kinh Thánh Của chúng ta ngày nay

Đa số các sách này được viết bằng tiếng *Híp-ri*, vào giữa thế kỷ thứ VII và thứ I trước CN. Từ thế kỷ thứ V, một vài đoạn được viết bằng tiếng *A-ram*, là ngôn ngữ chính của đế quốc Ba tư, gần giống tiếng *Híp-ri* (*Đn 2-7* và *Er 4-7*). Vào thế kỷ thứ III trước CN, các người Do-thái ở Ai-cập và những người bị lưu lạc trong vùng lân cận, đều nói tiếng *Hy-lạp*, và từ năm 200 trước CN, tiếng *Híp-ri* không còn thông dụng nữa. Trong các hội đường của những người bị lưu lạc, người ta đọc *Lễ Luật* bằng tiếng *Híp-ri*, nhưng lại được dịch và diễn giải bằng tiếng *Hy-lạp*. Người Do-thái lúc đó dịch các *Sách Thánh* từ tiếng *Híp-ri* ra tiếng *Hy-lạp*. Theo *Truyền Thống*, việc phiên dịch này được gán cho 70 luật sĩ (do đó mà có tên *Septante*). Đó là bản dịch mà các tác giả *Tin Mừng* đã dùng mỗi khi cần trích dẫn *Giao Ước Thứ Nhất*. Từ thế kỷ thứ II trước CN, một số sách được viết trực tiếp bằng tiếng *Hy-lạp* đó là hai sách *Ma-ca-bê* (hay *Martyrs*) và sách *Khôn Ngoan*.

Sách Kinh Thánh của người Do-thái

Vào cuối thế kỷ thứ I sau CN, tại *Giam-ni-a*, thuộc xứ *Pa-lét-tin*, các đạo trưởng đã dứt khoát ấn định “qui điển”, với một danh sách nhất định, gồm 24 cuốn viết bằng tiếng *Híp-ri*, họ loại bỏ những sách tiếng *Hy-lạp* do 70 luật sĩ (*Septante*) dịch sau này.

Ngày nay Sách Kinh Thánh của các anh em Do-thái gồm 24 cuốn, chia làm ba phần :

1) **Lề luật** (*Torah*) gồm 5 cuốn (Ngũ thư): Sáng Thế, Xuất Hành, Lê-vi, Dân số và Đệ Nhị luật, có chỗ đứng quan trọng nhất đối với họ, mà Truyền Thống cho Mô-sê là tác giả.

2) **Ngôn Sứ** (*Neviim*) gồm 8 cuốn :

- Các Ngôn Sứ Tiên: Giô-suê, Các Thủ-lãnh, Sa-mu-en 1&2, các Vua 1&2.
- Các Ngôn Sứ Hậu: I-sai-a, Giê-rê-mi-a, Ê-dê-ki-en, và 12 ngôn sứ khác.

3) **Các Văn phẩm** (*Ketouvim*) gồm 11 cuốn :

- Thánh Vịnh, Gióp, Châm Ngôn.
- Năm cuốn sách: Rút, Diễm Ca, Giảng Viên (Qohélet), Ai Ca, Êt-te.
- Đa-ni-en, Êt-ra - Nơ-khơ-mi-a⁹, Sử Biên Niên.

Sách Kinh Thánh của ki-tô hữu

Các ki-tô hữu, Công giáo và Chính thống, đã ấn định “qui điển” riêng của mình vào thế kỷ thứ V: gồm 73 cuốn, vì họ giữ lại 7 cuốn viết bằng tiếng Hy-lạp (tức bản Septante), còn được gọi là Đệ Nhị Qui Điển, gồm có: Tô-bi-a, Giu-đi-tha, Baruc, Khôn ngoan, Huấn ca và 1&2 Ma-ca-bê, và những phần tiếng Hy-lạp của Êt-te và Đa-ni-en. Những sách này còn được chia thành 2 phần: Cựu Ước và Tân Ước.

⁹ Êt-ra và Nơ-khơ-mi-a được kể chung thành một cuốn.

Ở thế kỷ XIII những sách này được sắp xếp theo một thứ tự khác với Kinh Thánh của anh em Do-thái: các sách Lịch Sử, các sách Giáo Huấn, và các sách Ngôn Sứ. Giao Ước Thứ Nhất (hay Cựu Ước) và Tân Ước rất nhanh chóng được dịch sang nhiều thứ tiếng. Bản dịch tiếng La-tinh nổi tiếng nhất là bản *Vulgate* của thánh Giê-rô-ni-mô, khoảng năm 450.

Về phía các anh em Tin Lành, tùy theo thời kỳ, lúc thì họ loại bỏ 7 sách Đệ Nhị Qui Điển, lúc thì họ giữ lại, dưới tên “*ngụy thư*” (*Apocryphes*). Sách Kinh Thánh “Đại Kết” (*Oecuménique - TOB*), theo lối phân chia của Kinh Thánh Do-thái, và thêm vào 7 cuốn Đệ Nhị Qui Điển.

Những điều này giúp ta hiểu tại sao tất cả các bộ sách Kinh Thánh lại không có cùng một số lượng sách như nhau, và cũng không được trình bày theo một thứ tự của các sách như nhau.

Ta cũng nên nhớ rằng các bản thảo lâu đời nhất bằng tiếng Híp-ri đã được tìm thấy ở Qumran vào năm 1947, chúng được viết vào khoảng giữa thế kỷ thứ III trước CN và thế kỷ thứ I sau CN. Những mẫu khác được viết trên giấy cói hay giấy da, bằng tiếng Híp-ri hay Hy-lạp, vào những thế kỷ đầu của Ki-tô giáo, đã được tìm thấy ở Ai-cập và Syrie. Về phần những cuộn giấy cổ xưa nhất của Ngũ Thư hay các Ngôn Sứ, được viết bằng tiếng Híp-ri, từ những thế kỷ IX – XI sau CN. Nhưng khi so sánh chúng với những bản thảo ở Qumran, còn xa xưa hơn đến cả ngàn năm về trước, mà vẫn không khác biệt nhau bao nhiêu.